

Phụ lục 2

Tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến rà soát, đóng góp của Hội đồng thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHĐT ngày /6/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh)

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
A	Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ/NGÀNH		
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
	Đề nghị chỉnh lý bố cục Báo cáo quy hoạch theo đúng yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa theo đúng quy định	
	a) Căn cứ lập quy hoạch		
	<p>- về các văn bản quy phạm pháp luật: Các Nghị quyết thông qua quy hoạch cấp trên; Nghị quyết của Chính phủ về quy hoạch được tích hợp không phải là văn bản quy phạm pháp luật mà là văn bản chỉ đạo, điều hành. Do vậy, đề nghị chỉnh lý phân loại hợp lý.</p> <p>- Ngoài các căn cứ là văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị phân loại theo quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch, bao gồm: 1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển; 2. Quy hoạch cao hơn; 3. Quy hoạch thời kỳ trước.</p> <p>- Đề nghị bổ sung các căn cứ sau: Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.</p> <p>- Rà soát, bỏ các căn cứ có sự trùng lặp tại mục 3.3 Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh quy hoạch (Báo cáo quy hoạch) với mục 3.2.</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa	Đã tiếp thu và chỉnh sửa (hiệu chỉnh, phân loại, bổ sung căn cứ, lược bỏ trùng lặp) tại mục 3, phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	b) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương		

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>- về các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh, đề nghị chính lý nêu cụ thể các yếu tố, điều kiện nào ảnh hưởng trực tiếp tới tỉnh, mang tính đặc trưng (mục 1.6.1.1 đến 1.6.1.3); bổ sung số liệu, phân tích vị thế phát triển kinh tế của tỉnh so với các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long (vùng ĐBSCL).</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>Về các yếu tố, điều kiện tác động đến phát triển tỉnh, báo cáo đã chọn trình bày các yếu tố tác động trực tiếp đến phát triển của tỉnh Trà Vinh theo nhiều khía cạnh khác nhau, đã bổ sung thuyết minh tại mục 1.6, phần I. Đã bổ sung các số liệu về GRDP và GRDP/ng của các tỉnh ĐBSCL để phân tích vị thế phát triển kinh tế của tỉnh tại điểm 1.5.1, mục 1.5, phần I.</p>
	c) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn		
	<p>- Việc đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành phải chỉ ra các tồn tại, hạn chế, phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan trong quá trình phát triển.</p>	Bảo lưu nội dung này	<p>Báo cáo thuyết minh tổng hợp đã xác định khá đầy đủ các tồn tại hạn chế (gọi là các điểm yếu) tại điểm 2.9.2, mục 2, phần II. Các nguyên nhân liên quan đã được phân tích cụ thể trong các nội dung phân tích thực trạng gắn với từng lĩnh vực.</p>
	<p>- về thực trạng phát triển của khu kinh tế Định An: Đề nghị phân tích yêu cầu giải quyết những điểm nghẽn trong thu hút đầu tư phát triển khu kinh tế Định An và phát triển công nghiệp như giao thông kết nối, công nghiệp hỗ trợ, thu hút đầu tư và tác động môi trường.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>Đã bổ sung nội dung phân tích tại điểm 2.6.1, mục 2.6, phần II</p>
	d) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh		
	<p>- Đề nghị tách thành các mục riêng như sau: Mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch 10 năm và các mục tiêu cụ thể; Tầm nhìn đến năm 2050 - về mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng, đề nghị rà soát các chỉ tiêu để đảm bảo phù hợp</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>Đã rà soát, cấu trúc lại các nội dung về mục tiêu và tầm nhìn phát triển tại mục III, phần III. Đã rà soát các chỉ tiêu đảm bảo theo quy</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	với các quy định hiện hành về tiêu chuẩn, quy chuẩn cấp nước, nước xả thải...		định, tại khoản 3.3, mục III, phần III.
	đ) Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh		
	<p>- Báo cáo quy hoạch đã bổ sung tiêu chí xác định ngành quan trọng của tỉnh, tuy nhiên lại lựa chọn quá nhiều ngành quan trọng. Do vậy, để tránh trùng lặp với phương án phát triển kết cấu hạ tầng và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, đề nghị chỉ lựa chọn những ngành hiện đang có thế mạnh; có ảnh hưởng trực tiếp, đóng góp chính để đạt được mục tiêu phát triển, đặc biệt là thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các đột phá phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Đồng thời, việc lựa chọn các ngành quan trọng cũng cần bám sát định hướng phát triển vùng động lực ĐBSCL đã được đề ra tại Quy hoạch tổng thể quốc gia.</p>	Bảo lưu và giải trình	<p>Báo cáo thuyết minh đã trình bày căn cứ xác định ngành sản phẩm quan trọng (tại khoản 1.1, mục I, phần IV) đúng như kiến nghị: dựa vào tiềm năng, thế mạnh của tỉnh cũng như định hướng phát triển của vùng ĐBSCL và quốc gia. Theo đó xác định các ngành quan trọng hợp lý, đó là: công nghiệp (gắn với lợi thế biển và ven biển, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, dịch vụ (du lịch, cảng biển) (khoản 1.2, mục I, phần IV)</p>
	<p>- Tại quan điểm phát triển có nêu: “Coi đây mạnh đầu tư và áp dụng thành quả khoa học và công nghệ hiện đại và đổi mới sáng tạo, gắn kết khoa học và công nghệ với giáo dục đào tạo là yếu tố thúc đẩy quan trọng nhất trong quá trình phát triển tỉnh.”. Tuy nhiên, khoa học công nghệ lại không được coi là ngành quan trọng của tỉnh. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý để có sự đồng bộ giữa việc lựa chọn các ngành quan trọng với quan điểm phát triển.</p>	Bảo lưu và giải trình	<p>Luận chứng xác định ngành quan trọng được xây dựng trên quan điểm xác định các ngành quan trọng là các ngành sản xuất và dịch vụ trực tiếp tạo nên sự gia tăng thu nhập. KHCN cũng giống như 1 số các yếu tố khác được xác định là khâu đột phá vì nó có vai trò xuyên suốt, tác động đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của tỉnh, thực hiện thành công phát triển của các ngành quan trọng</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>- Đề nghị chỉnh lý tiêu đề mục 2.3. Phương hướng phát triển ngành thương mại dịch vụ và các ngành quan trọng được lựa chọn tại mục 1.2. Phần IV. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng và các ngành khác để có sự đồng bộ với nhau.</p>	Tiếp thu ý kiến	Đã chỉnh sửa tại khoản 1.2, mục I, phần IV
	<p>- về phương hướng phát triển ngành nông, lâm và thủy sản, động lực của tỉnh trong dài hạn sẽ là các ngành sản phẩm liên quan đến nông nghiệp công nghệ cao thích ứng với điều kiện nhiệm vụ và sản phẩm kinh tế biển. Tuy nhiên, tại phần phương hướng phát triển nông nghiệp chưa đề cập đến nội dung trên. Do đó, đề nghị bổ sung các giải pháp, phương hướng phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Đề nghị chỉnh lý nội dung theo yêu cầu tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>	Tiếp thu ý kiến, bổ sung và giải trình	<p>Trong khuôn khổ báo cáo quy hoạch tỉnh có hạn, đơn vị xây dựng quy hoạch đã lồng ghép tại các ngành, lĩnh vực nông nghiệp đã đề cập đến nội dung nông nghiệp công nghệ cao thích ứng với điều kiện thuận thiên và sản phẩm kinh tế biển. Tại khoản 2.2, mục II, phần IV.</p> <p>Đã bổ sung nội dung: Giải pháp phát triển ngành nông nghiệp tại điểm 2.2.4, mục II, phần IV.</p>
e)	Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội		
	<p>- về phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, đề nghị bổ sung phân tích về cơ sở đề xuất và tính chất của vùng động lực, mối quan hệ giữa vùng động lực với các vùng liên huyện, cực phát triển trung tâm được nêu tại Báo cáo quy hoạch.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>Đã bổ sung căn cứ xác định vùng động lực và tính chất của vùng động lực tại điểm 1.1.4.b, mục I, phần V.</p> <p>Các mối quan hệ giữa vùng động lực với các vùng khác đã được thể hiện tại điểm 1.1.4.a, mục I, phần V.</p>
	<p>- về phương án quy hoạch hệ thống đô thị, đề nghị rà soát tỉ lệ đô thị hóa để đảm bảo tính khả thi, cập nhật, bổ sung các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch phát triển bền vững đô thị Việt Nam tầm nhìn 2045.</p>	Tiếp thu ý kiến, bổ sung và giải trình	<p>+ Về tỷ lệ đô thị hóa: Tỷ lệ đô thị hóa được đề xuất theo Nghị quyết số 06- NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch phát triển bền vững đô thị Việt Nam tầm nhìn 2045 (45% vào năm</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
			<p>2025 và 50% vào năm 2050) là tỉ lệ chung của cả nước. Tỉnh Trà Vinh đã rà soát tỉ lệ đô thị hóa tại thời điểm hiện tại (là 29,5%); dựa trên phương án phát triển đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh. Tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2025 (33%), năm 2030 (40%) và năm 2050 (45%) là phù hợp và khả thi.</p> <p>+ Các giải pháp phát triển đô thị đã được chất lọc và đề xuất tại phần Giải pháp thực hiện quy hoạch (khoản 6.1, mục VI, phần IX)</p>
	<p>Không đưa các nội dung liên quan đến việc chia, tách, hợp nhất đơn vị hành chính vào quy hoạch để đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>	<p>Đã chỉnh sửa theo góp ý tại tiểu mục 1.3, mục I, phần V.</p>
	<p>- về phương án phát triển khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT), đề nghị: Chính lý nội dung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch, tách riêng phương án phát triển hệ thống KCN, CCN và chính lý nội dung theo quy định tại Điều 4 và 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế (Nghị định số 35/2022/NĐ-CP); luận giải lý do vì sao cần hình thành các khu chức năng này; dự báo nhu cầu phát triển những hoạt động sản xuất nào, quy mô phát triển, các tiêu chuẩn lựa chọn và chính sách thu hút các nhà đầu tư vào các khu chức năng.. để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Các nội dung cụ thể sẽ được thể hiện tại quy hoạch xây dựng khu chức năng theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>	<p>Tiếp thu và giải trình</p>	<p>Lý do vì sao cần phải hình thành các khu chức năng để thúc đẩy phát triển khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đó là vì xét trên quan điểm lợi thế so sánh và phát triển bền vững, để các nhà đầu tư có thể đạt được hiệu quả kinh tế cao khi lựa chọn đầu tư vào KCN, KKT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Các nội dung trên được thể hiện chi tiết</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>Đồng thời, việc đề xuất Danh mục các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh phải đáp ứng các điều kiện tại khoản 4 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.</p> <p>Đối với KKT Định An, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022. Do vậy, trong quá trình lập đồng thời quy hoạch tỉnh Trà Vinh và lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT Định An cần rà soát, tính toán, đối chiếu để không gây chồng chéo về định hướng không gian giữa quy hoạch tỉnh và quy hoạch xây dựng.</p>		<p>trong báo cáo hợp phần.</p> <p>Danh mục các KKT, CCN trên địa bàn tỉnh Trà Vinh quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.</p> <p>Quy hoạch KKT Định An trong quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đảm bảo tính thống nhất về định hướng không gian giữa Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch xây dựng KKT Định An đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1013/QĐ-TTg ngày 29/8/2022.</p>
	<p>- về phương án quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện, đề nghị chỉnh lý như sau:</p>		
	<p>+ Nghiên cứu đánh giá lại sự cần thiết và vai trò của các vùng liên huyện; mối liên hệ giữa phương án phân vùng liên huyện với phương án phát triển vùng động lực, các trục động lực các hành lang kinh tế; phương án phát triển hệ thống đô thị, khu vực nông thôn và khu chức năng chủ yếu, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của tỉnh, đảm bảo khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa, giải trình</p>	<p>Sự cần thiết xây dựng các vùng liên huyện, cơ sở khoa học và thực tiễn tổ chức các vùng liên huyện đã được luận giải phù hợp tại các điểm 1.1.1 và 1.1.2, mục I, phần V.</p> <p>Các chức năng và định hướng phát triển của các vùng liên huyện được luận giải tại điểm 1.1.3.a, phần V.</p> <p>Phương án tổ chức các điểm dân cư, hệ</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
			<p>thống đô thị được luận giải tại điểm 1.1.3.b, phần V.</p> <p>Phương án tổ chức không gian phát triển các vùng liên huyện, kết nối các vùng liên huyện trong tỉnh và với các địa phương lân cận trong vùng ĐBSCL được luận giải tại điểm 1.1.3.a, phần V.</p> <p>Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động KT-XH (bao gồm các công trình hạ tầng), cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện trong tỉnh và kết nối với các địa phương lân cận trong vùng ĐBSCL được luận giải tại điểm 1.1.4, phần V.</p>
	<p>+ Thành phố Trà Vinh sẽ được lập quy hoạch đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, không lập quy hoạch xây dựng vùng huyện. Đồng thời, định hướng phát triển thành phố Trà Vinh đã được nêu tại phương án quy hoạch hệ thống đô thị. Do vậy, đề nghị chỉnh lý để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng.</p> <p>+ Đối với từng vùng huyện, đề nghị chỉnh lý theo hướng chỉ nêu định hướng chung theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch. Phương án phát triển cụ thể của từng huyện sẽ được thể hiện tại quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>+ Đã rà soát và đưa quy hoạch thành phố Trà Vinh ra khỏi Phương án phát triển vùng huyện;</p> <p>+ Đã rà soát và lược bỏ nội dung Quan điểm phát triển tại các Phương án phát triển từng vùng huyện, các nội dung khác đã đảm bảo theo quy định.</p> <p>Các nội dung chỉnh sửa được thực hiện tại khoản 1.4, mục I, phần V</p>
	g) Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật		
	<p><i>Phương án phát triển mạng lưới giao thông</i></p> <p>- Đề nghị chỉnh lý các từ ngữ theo quy định của Luật Quy hoạch, cụ thể như sau:</p> <p>+ Sử dụng cụm từ “Phương án phát triển mạng lưới giao thông”, không sử dụng cụm từ “Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông” theo quy</p>	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã chỉnh lý các thuật ngữ liên quan tại khoản 4.1, mục IV, phần V

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>định tại điểm đ khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch.</p> <p>+ về việc cụ thể hóa các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực giao thông, đề nghị chỉnh lý thành “Phương án cụ thể hóa quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn tỉnh” do theo quy định của Luật Quy hoạch không có quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia.</p> <p>+ Chỉnh lý tên của các quy hoạch ngành quốc gia theo đúng quy định tại Phụ lục 1 Luật Quy hoạch: Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (không phải Quy hoạch cảng thủy nội địa quốc gia).</p>		
	<p>- về đường bộ:</p> <p>+ Đề nghị xem xét lại tính khả thi của đề xuất quy hoạch nâng cấp, mở rộng 04/04 tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực đầu tư công hiện nay chủ yếu tập trung vào mục tiêu xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc.</p>	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Tỉnh đã rà soát và thống nhất bảo lưu nội dung đề xuất do tầm quan trọng của các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch
	<p>+ Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên quốc lộ 60 đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và Bộ Giao thông vận tải đang triển khai các bước tiếp theo để đầu tư trong 2021-2025, trong đó dự án có đoạn đi trên Cù Lao Dung. Do đó, đề nghị nghiên cứu kỹ sự cần thiết phải đầu tư dự án “xây dựng bến phà Định An qua Cù Lao Dung” trong giai đoạn 2021-2025 như đề xuất tại Báo cáo Quy hoạch.</p>	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và rút đề xuất dự án xây dựng bến phà Định An qua Cù Lao Dung, tại điểm 4.1.3.7, mục IV, phần V.
	<p>+ Đề nghị rà soát, cập nhật và tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 (Quyết định số 1454/QĐ-TTg). Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg, đường ven biển qua tỉnh Trà Vinh có chiều dài 78km, tuy nhiên Báo cáo quy hoạch và Phụ lục 1 Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch nêu đoạn qua tỉnh Trà Vinh có chiều dài khoảng 68km.</p>	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã hiệu chỉnh thông tin tại điểm 4.1.3.a, mục IV, phần V của Báo cáo thuyết minh tổng hợp và dự thảo quyết định của TTg
	<p>+ về phương án bố trí các trạm cân và trạm dừng nghỉ, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy</p>	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã lược bỏ nội dung này tại điểm 4.1.4, mục IV, phần V của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>hoạch), việc xây dựng trạm dừng nghỉ không được xác định trong quy hoạch tỉnh mà sẽ được xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Việc xây dựng các trạm cân tại các tuyến đường cũng không được xác định trong quy hoạch theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ. Do đó, đề nghị bỏ nội dung này tại Báo cáo quy hoạch.</p>		
	<p>- Về đường thủy nội địa, đề nghị chỉnh lý chuyển tuyến đường thủy nội địa quốc gia “kênh Trà Vinh” thành đường thủy nội địa địa phương cho phù hợp với Quyết định số 969/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố chuyển đổi luồng đường thủy nội địa quốc gia kênh Trà Vinh thành luồng đường thủy nội địa địa phương.</p>	Tiếp thu ý kiến	Kênh Trà Vinh được đề xuất là tuyến thủy nội địa do tỉnh quản lý tại điểm 4.1.3.7 mục IV, phần V.
	<i>Phương án phát triển mạng lưới điện</i>		
	<p>- Rà soát để bảo đảm sự đồng bộ với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023.</p>	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát và hiệu chỉnh các nội dung liên quan (cập nhật thông tin thực trạng và hiệu chỉnh phương án phát triển mạng lưới điện) tại các khoản 2.4.2, mục 2.4, phần II và khoản 4.2, mục IV, phần V
	<p>- Đề nghị chỉnh lý các từ ngữ theo quy định của Luật Quy hoạch như sau: + Sử dụng cụm từ “Phương án phát triển mạng lưới điện”, không sử dụng cụm từ “Quy hoạch liên kết mạng lưới điện” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch. + Về việc cụ thể hóa các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực giao thông, đề nghị chỉnh lý thành “Phương án cụ thể hóa quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh” do theo quy định của Luật Quy hoạch không có Quy hoạch mạng lưới điện quốc gia, vùng. + Chỉnh lý tên của các quy hoạch ngành quốc gia theo đúng quy định tại Phụ lục 1 Luật Quy hoạch; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (không phải Quy hoạch mạng lưới điện quốc gia). + Chỉnh lý tiêu đề mục 4.2.4 thành “Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện” do trong nội dung quy hoạch tỉnh</p>	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát và hiệu chỉnh tên các tiêu đề cho phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch tại khoản 4.2, mục IV, phần V

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	không có “Phương án quy hoạch sử dụng đất” cho mạng lưới điện.		
	<i>Phương án phát triển mạng lưới viễn thông</i> - Đề nghị sử dụng cụm từ “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông”, không sử dụng cụm từ “Quy hoạch kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng số và hoàn thiện mạng lưới viễn thông” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát và hiệu chỉnh tên các tiêu đề cho phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch tại điểm 4.4.1, mục IV, phần V
	- Đề nghị chỉnh lý nội dung để bảo đảm thể hiện rõ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã bổ sung nội dung Cơ sở vật chất kỹ thuật mạng viễn thông để làm rõ công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh tại điểm 2.4.5.2, mục 2.4, phần II.
	- Chỉnh lý tiêu đề mục 4.4.2 thành “Phương án sử dụng đất” do trong nội dung quy hoạch tỉnh không có “Phương án quy hoạch sử dụng đất” cho hạ tầng thông tin và truyền thông, chỉnh lý tương tự đối với các cụm từ “Quy hoạch điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng”, “Quy hoạch xây dựng hạ tầng thanh toán số”.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát và hiệu chỉnh tên các tiêu đề cho phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch tại điểm 4.4.2, mục IV, phần V
	<i>Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước</i> Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 16 tháng 02 năm 2023, do vậy, đề nghị trao đổi với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cập nhật nội dung mới nhất của quy hoạch này.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát và cập nhật các nội dung liên quan tại khoản 4.5, mục IV, phần V
	h) Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện		
	Ngoài các chỉ tiêu đã được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025 (Quyết định số 326/QĐ-TTg), tỉnh Trà Vinh đã đề xuất bổ sung thêm một số chỉ tiêu. Đề nghị bổ sung cơ sở và căn cứ tính toán để có được các số liệu phân bổ cho từng mục	Tiếp thu và chỉnh sửa	Tỉnh Trà Vinh đã rà soát, hiệu chỉnh đảm bảo tuân thủ 23/23 chỉ tiêu được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg. Các nội dung thuyết minh được hoàn thiện tại mục III, phần VII,

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	đích sử dụng đất. Việc xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cần xem xét, đánh giá xu thế biến động, chuyển dịch đất đai, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020; phải có sự gắn kết với các mục tiêu, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực.		Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	i) Phương án khai thác, sử dụng và chế biến khoáng sản		
	- Đề nghị rà soát các khu vực khai thác khoáng sản đảm bảo không chồng chéo với phương án phát triển của các ngành khác, đồng thời bổ sung đầy đủ các thông tin cần thiết để có đủ cơ sở cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.	Tiếp thu và giải trình	Đã rà soát các khu vực khai thác khoáng sản với phương án phát triển các ngành/lĩnh vực khác, không phát hiện sự chồng chéo
	- Đề nghị chỉnh lý tiêu đề các mục thành “Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản ... tỉnh Trà Vinh đến năm 2021-2030”, không sử dụng cụm từ “Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản ... tỉnh Trà Vinh đến năm 2021-2030 và tầm nhìn 2050” để phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.	Tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình	Đã hiệu chỉnh tiêu đề của điểm 2.3.1.b; điểm 2.3.2.b và 2.3.2.c, phần V của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
	n) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra		
	- Đề nghị cập nhật nội dung Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. - Đề nghị chỉnh lý nội dung bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.	Tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình	Đã rà soát, cập nhật các nội dung liên quan tại các mục II và III, phần VI.
	o) Danh mục dự án ưu tiên đầu tư		
	- Đề nghị bổ sung, làm rõ về luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án; đồng thời, rà soát lại danh mục nêu trên đảm bảo các dự án có quy mô lớn, tính chất cấp tỉnh, liên huyện và đóng vai trò tạo động lực, cấp thiết đối với phương án phát triển của tỉnh nhằm tạo đà cho việc triển khai thực hiện quy hoạch; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện quy hoạch và tránh trường hợp lựa chọn các dự án quy mô nhỏ/quá nhỏ; Đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn,	Tiếp thu và giải trình	Đã rà soát, hiệu chỉnh các luận cứ xây dựng danh mục dự án và tiêu chí ưu tiên đầu tư tại mục I, phần VIII. Đã rà soát danh mục các dự án theo các gợi ý tại phụ lục 8.1 của Báo cáo thuyết minh tổng hợp. Do Trà Vinh không có các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn (đã giải trình)

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.		nên sẽ không có tiêu chí ưu tiên đầu tư cho kết nối các khu vực này với vùng động lực phát triển của tỉnh.
	<p>- Báo cáo quy hoạch dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 387,76 nghìn tỷ đồng trong thời kỳ 2021-2030, trong đó, khoảng 160 nghìn tỷ trong giai đoạn 2021- 2025, khoảng 227,76 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2026-2030; nguồn vốn từ khu vực nhà nước khoảng 38,83 nghìn tỷ đồng, nguồn vốn tư nhân khoảng 248,03 nghìn tỷ đồng, nguồn vốn FDI khoảng 100,80 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, Báo cáo quy hoạch chưa làm rõ: (i) dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2031-2050; (ii) về tỷ lệ vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và vốn nhà nước khác; và (iv) về phương thức đầu tư.</p> <p>Ngoài ra, đề nghị xác định nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 dựa trên cơ sở rà soát, tổng hợp các dự án theo danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1535/QĐ- TTg ngày 15/9/2021 và phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025 quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p>	Tiếp thu và giải trình	<p>Quy hoạch tỉnh Trà Vinh được lập cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; do vậy, các dự báo chi tiết về nhu cầu vốn đầu tư chỉ thực hiện được cho thời kỳ quy hoạch. Giai đoạn sau 2030 sẽ không thể dự báo chính xác vì thiếu các căn cứ khoa học (phụ thuộc kết quả thực hiện của thời kỳ quy hoạch 2021-2030). Xin phép được bảo lưu nội dung này.</p> <p>Về nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2030 đối với các dự án sử dụng vốn NSNN đã được rà soát và hiệu chỉnh phù hợp với kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt.</p>
2	Bộ Thông tin truyền thông		
	<p>Nhận xét, đánh giá về các nội dung đã được tiếp thu, giải trình đã đáp ứng yêu cầu: Hồ sơ rà soát, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định đã tiếp thu, chỉnh sửa nội dung theo công văn số 4884/BTTTT-VCL của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 30/9/2022 và giải trình đầy đủ tại Báo cáo tiếp thu giải trình theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.</p>		
3	Bộ Công thương		
	<p>Ý kiến của Hội đồng thẩm định liên quan đến lĩnh vực công nghiệp và thương mại đã được Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình làm rõ. Nội dung giải trình cơ bản đạt yêu cầu.</p>		

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<i>Một số nội dung cần lưu ý trong quá trình hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:</i>		
	<p>- Định hướng phát triển công nghiệp và các ngành công nghiệp chủ lực của Tỉnh là phù hợp. Bổ sung định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất, đây là ngành công nghiệp có tính nền tảng và phù hợp với định hướng phát triển các dự án đang triển khai đầu tư trên địa bàn Tỉnh như dự án Nhà máy sản xuất hydro xanh Trà Vinh. Đối với danh mục CCN dự kiến phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong dự thảo Quyết định phê duyệt, đề nghị bổ sung nội dung ngành nghề thu hút đầu tư như đã nêu trong Bảng 5.10 Dự thảo Báo cáo để thuận lợi thu hút đầu tư.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>Đã bổ sung ngành sản phẩm hóa chất là sản phẩm quan trọng tại khoản 1.2, mục I, phần IV; Đã bổ sung định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất tại khoản 2.1, mục II, phần IV.</p>
	<p>- Về định hướng phát triển thương mại, đề nghị nêu cụ thể hơn phương án phát triển thị trường trong nước, thương mại điện tử, thương mại vùng nông thôn, hoạt động xuất nhập khẩu, xác định cụ thể các mặt hàng nông sản và công nghiệp có thể đẩy mạnh xuất khẩu;</p>		<p>Trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp đã xác định cụ thể các mặt hàng có thể đẩy mạnh xuất khẩu là gạo; sản phẩm chế biến từ thủy sản; sản phẩm từ dừa và một số sản phẩm công nghiệp như may, giày dép, thực phẩm công nghiệp, điện tử và linh kiện điện tử. Đã tiếp thu, bổ sung, làm rõ hơn, cụ thể hơn phương án phát triển thị trường trong nước (tổng mức bán lẻ hàng hóa); thương mại điện tử; và hoạt động XNK. Các nội dung bổ sung được trình bày tại điểm 2.3.2, mục II, phần IV</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>Đối với các phương án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, rà soát để đảm bảo việc tích hợp các nội dung các quy hoạch có liên quan ban hành kèm theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 Chính phủ về danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (gồm: Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch hệ thống trung tâm logistic trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp</p>	<p>Trong quá trình xây dựng phương án phát triển, đã rà soát để đảm bảo tích hợp các nội dung các quy hoạch có liên quan.</p>
	<p>Đối với hạ tầng xăng dầu, khí đốt nên xây dựng danh mục cụ thể để đồng bộ với các nội dung về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nói chung, hạ tầng thương mại nói riêng. Theo đó, xây dựng danh mục hạ tầng hiện có tiếp tục khai thác, hạ tầng cần phải di dời, giải tỏa (nếu có), hạ tầng đầu tư xây dựng trong kỳ quy hoạch.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình</p>	<p>Báo cáo thuyết minh tổng hợp đã trình bày phương án phát triển kết cấu hạ tầng xăng dầu, khí đốt (bao gồm các kho chứa xăng dầu, kho chứa và trạm chiết nạp khí đốt) xây dựng mới tại khoản 4.3, mục IV, phần V. Phương án bố trí, giải tỏa, di dời các cửa hàng kinh doanh xăng dầu, khí đốt không thuộc phạm vi quy hoạch tỉnh, do đó không trình bày trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
	<p>- Rà soát để đảm bảo thống nhất giữa quy hoạch tỉnh với các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực công thương, đặc biệt là Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngoài ra, những dự án thuộc đối tượng quy hoạch ngành quốc gia không nên nêu chi tiết, cụ thể, chỉ nên định hướng phát triển và nêu rõ thực hiện theo Quy hoạch ngành quốc gia.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp</p>	<p>Đã rà soát và hiệu chỉnh theo ý kiến đề xuất tại khoản 4.2, mục IV, phần V</p>
	<p>- Về danh mục các dự án, để đảm bảo tính khả thi và có cơ sở khi triển khai thực hiện quy hoạch, ngoài các dự án ưu tiên đầu tư, cần xác</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>	<p>Đã rà soát danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và hiệu chỉnh tại</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	định danh mục các công trình triển khai trong giai đoạn quy hoạch và phân kỳ đầu tư để thực hiện. Đối với các dự án thuộc các quy hoạch ngành quốc gia không phải đối tượng của quy hoạch tỉnh nhưng cần cập nhật trong quy hoạch tỉnh để bố trí quỹ đất, triển khai thực hiện đồng bộ.		Phụ lục 8.1 của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
4	Bộ Giao thông Vận tải		
	- Nội dung về hiện trạng đường thủy nội địa và hàng hải có ý kiến tiếp thu về việc tách riêng đầu mục của các chuyên gia nhưng vẫn được trình bày chung (trong điểm b) thuộc mục 2.4.1.1 Hạ tầng giao thông (trang 197).	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã tách riêng nội dung Hiện trạng các tuyến đường hàng hải và mạng lưới đường thủy nội địa tại các điểm 2.4.1.b và 2.4.1.c, mục 2, Phần II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
	Đề nghị bổ sung số liệu về các bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh trên địa bàn và phân tích, đánh giá làm cơ sở xây dựng quy hoạch tích hợp, căn cứ vào các nội dung quy hoạch tích hợp để rà soát nội dung tính toán tổng hợp quỹ đất dành cho giao thông của Báo cáo tổng hợp.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Hiện tại chưa có số liệu thống kê chính thức về các bãi đỗ xe chuyên dùng cho mục đích giao thông tỉnh. Xin phép được bảo lưu nội dung này, sẽ tổ chức nghiên cứu và dự báo theo ý kiến đóng góp làm căn cứ cho việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch trong quá trình thực hiện theo quy định.
	- Đề nghị nghiên cứu các ý kiến của Bộ GTVT tại văn bản số 11343/BGTVT-KHĐT ngày 31/10/2022 để rà soát, hiệu chỉnh các nội dung còn tồn tại về kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và làm rõ yêu cầu triển khai tiếp theo (bước Quy hoạch đô thị) để xác định quy mô của một số đường trục chính trong đô thị có đi trùng quốc lộ	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Đã rà soát và hiệu chỉnh các nội dung tồn tại về kết cấu hạ tầng giao thông tại điểm 2.4.1.3, mục 2.4, phần II. Nhất trí tiếp thu ý kiến về yêu cầu triển khai tiếp theo (bước Quy hoạch đô thị) để xác định quy mô của một số đường trục chính trong đô thị có đi trùng quốc lộ.
	- Đề nghị rà soát kết quả tính toán tổng hợp quỹ đất dành cho giao thông trong phần báo cáo chuyên đề	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Đã rà soát, tính toán phân bổ quỹ đất giao thông phù hợp với chỉ tiêu phân bổ quốc gia

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
			theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 trong báo cáo hợp phần, và được tích hợp tại khoản 4.1, mục IV, phần V
	Do chưa có số liệu dự báo nhu cầu vận tải được phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể nên chưa đủ điều kiện để đánh giá sự phù hợp về quy mô, mức độ đáp ứng của phương án quy hoạch so với dự báo xu thế phát triển và điều kiện thực tế địa phương. Đề nghị bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể.	Tiếp thu và giải trình	Dự báo nhu cầu vận tải theo phương thức đã được trình bày tại điểm 4.1.1, mục IV, phần V. Nhu cầu vận tải theo luồng tuyến hiện không có số liệu thống kê tin cậy làm căn cứ dự báo, trong điều kiện thời gian và nguồn lực lập quy hoạch không cho phép, xin phép được bảo lưu nội dung này, sẽ tổ chức nghiên cứu và dự báo theo ý kiến đóng góp làm căn cứ cho việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch trong quá trình thực hiện theo quy định.
5	Bộ Lao động, thương binh và xã hội		
	- Các nội dung liên quan đến lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã được cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình đầy đủ trong Hồ sơ quy hoạch tỉnh Trà Vinh theo ý kiến thẩm định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại văn bản số 4150/LĐT BXH-KHTC ngày 18/10/2022 và kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Báo cáo thẩm định số 8578/BC-HĐTĐ ngày 28/11/2022, đảm bảo đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch đối với các nội dung nêu trên.	Tiếp thu ý kiến nhận xét	
	- về căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã bổ sung các căn cứ tại khoản 3.4, mục 3, phần Mở đầu

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	duyet Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.		
6	Bộ Nông nghiệp và PTNT		
	1. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Trà Vinh đã được tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình tương đối đầy đủ các ý kiến thẩm định và kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.		
	2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục đề nghị bổ sung một số nội dung sau:		
	- Về mục tiêu phát triển tại dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: + Đề nghị bổ sung tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2030.	Tiếp thu và giải trình	Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân CRDP nông nghiệp đã được trình bày trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Nội dung của dự thảo quyết định của TTg đã được Bộ KH&ĐT rà soát phù hợp với quy định. Đề nghị bảo lưu nội dung này.
	+ Đề nghị tham khảo quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để bổ sung các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh phù hợp với tình hình chung của vùng và của cả nước.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Đơn vị xây dựng quy hoạch tỉnh đã tham khảo quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
	- Danh mục dự án ưu tiên tại Phụ lục 17, 18 đề nghị bổ sung các dự án nông nghiệp, nông thôn ưu tiên thực hiện đầu tư trong thời kỳ quy hoạch: + Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản các xã Dân Thành, Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. + Dự án Công trình thủy lợi vùng Nam Măng Thít + Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Đã rà soát và hiệu chỉnh danh mục ưu tiên đầu tư tại phụ lục 8.1 của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
7	Bộ Tài chính		
	1. Bộ Tài chính đã có Văn bản số 10593/BTC-NSNN ngày 17/10/2022 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh) tham gia ý kiến thẩm định quy hoạch tỉnh Trà	Tiếp thu ý kiến nhận xét	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua rà soát, các ý kiến tham gia của Bộ Tài chính đã được tỉnh Trà Vinh giải trình, tiếp thu trong dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 lần này,</p>		
	<p>2. Tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh Trà Vinh là 15.920,3 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách trung ương là 5.759,4 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 10.100,9 tỷ đồng).</p> <p>Tuy nhiên, tại Phụ lục 8.1 về Danh mục dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn NSTW kèm theo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Trà Vinh đang dự kiến đầu tư từ nguồn NSTW trong giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện các dự án với tổng mức đầu tư khoảng 26.571 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách trung ương là 8.788 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 9.585 tỷ đồng, vốn ngân sách nhà nước là 8.198 tỷ đồng), gấp khoảng 1,7 lần kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 2025 vốn NSTW; trong đó có một số dự án với tổng mức đầu tư lớn như tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (2.500 tỷ đồng). Hạ tầng giao thông kết nối trung tâm thành phố Trà Vinh với Quốc lộ 60 và Quốc lộ 53 (1.350 tỷ đồng)....</p> <p>Vì vậy. Bộ Tài chính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tỉnh Trà Vinh rà soát danh mục dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tính chính xác của số liệu: trên cơ sở đó, căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội và các quyết định có liên quan để dự kiến nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và danh mục dự án đầu tư, số vốn bố trí cho dự ván theo từng năm, từng giai đoạn cho phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu và giải trình</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến, rà soát danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và hiệu chỉnh cho phù hợp với kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và các gợi ý của HĐTĐ tại Phụ lục 8.1, Báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
8	Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch		
	<p>Các nội dung góp ý đã được tiếp thu, giải trình tại báo cáo quy hoạch, dự thảo Quyết định. Do vậy, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về cơ bản thống nhất với nội dung hồ sơ, tài liệu quy hoạch tỉnh Trà Vinh.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến nhận xét</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<i>Tuy nhiên, hồ sơ báo cáo quy hoạch cần nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung nội dung sau:</i>		
	- Tại mục 10a Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao (trang 15) của dự thảo Quyết định đề nghị sửa lại như sau: “Tiếp tục đầu tư tôn tạo, nâng cấp, bảo vệ, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn”.	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã chỉnh sửa tại khoản 2, mục VI (trang 16), Dự thảo quyết định của TTg
	- Về phụ lục danh mục ưu tiên đầu tư đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu, rà soát, lựa chọn những dự án quan trọng đưa vào danh mục nhằm phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát và hiệu chỉnh danh mục ưu tiên đầu tư tại Phụ lục 8.1, Báo cáo thuyết minh tổng hợp
9	Ủy ban Dân tộc		
	Ủy ban Dân tộc cơ bản nhất trí nội dung và hình thức của Hồ sơ “Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” sau tiếp thu, điều chỉnh		
	Theo Báo cáo thẩm định số 8575/BC-HĐTĐ ngày 28/11/2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tại Khoản 4.7, Mục III, Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động Kinh tế - Xã hội, “- Đề nghị bổ sung “Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực và những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn”, để làm cơ sở xác định các dự án ưu tiên đầu tư” và Tại Khoản 4.16, Mục III, Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện, “- Đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.”. Tuy nhiên, qua rà soát, Ủy ban Dân tộc chưa thấy Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp thu, bổ sung theo yêu cầu.	Bảo lưu nội dung này của Báo cáo thuyết minh tổng hợp	Theo quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, tỉnh Trà Vinh không còn khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn. Cụ thể: tỉnh Trà Vinh có 106 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 11 phường, 10 thị trấn và 85 xã; đến ngày 27/4/2023, toàn bộ 85 xã đã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới (xã bước đầu phát triển). Do đó, tỉnh Trà Vinh đến nay không còn khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.
	Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh tiếp thu, bổ sung theo Báo cáo thẩm định số 8575/BC-HĐTĐ ngày 28/11/2022 của Hội đồng thẩm định quy	Tiếp thu ý kiến	Đã giải trình tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 1659/UBND-KHTC ngày 04/10/2022 của Ủy ban Dân tộc tham gia ý kiến thẩm định đối với quy hoạch tỉnh Trà Vinh, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đúng quy định của Điều 27, Luật Quy hoạch.		Hội đồng thẩm định và Giải trình Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh số 8575/BC-HĐTĐ.
10	Bộ Quốc phòng		
	Nhất trí với Hồ sơ quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Cơ quan lập quy hoạch tỉnh gửi sau khi đã bổ sung, hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu và giải trình đầy đủ ý kiến của các thành viên Hội đồng tại Phiên họp thẩm định. Hồ sơ quy hoạch tỉnh Trà Vinh đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Tiếp thu ý kiến nhận xét	
11	Bộ Nội vụ		
	Hồ sơ quy hoạch tỉnh Trà Vinh gửi kèm văn bản số 2876/CV-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định chưa có nội dung tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ về đề nghị bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, xã của tỉnh theo yêu cầu tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên của Bộ Nội vụ	Bảo lưu nội dung của Báo cáo thuyết minh tổng hợp	Theo ý kiến của Bộ KH&ĐT (tại CV số 3880/BKHĐT-QLQH, ngày 24/5/2023), không đưa các nội dung liên quan đến việc chia, tách, hợp nhất đơn vị hành chính vào quy hoạch để đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
	a) Căn cứ lập quy hoạch		
	Khoản 3, phần Mở đầu, báo cáo tổng hợp: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030	Tiếp thu ý kiến	Đã bổ sung các căn cứ tại mục 3, phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	Phần mở đầu dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội và Quyết định số 287/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Tiếp thu ý kiến	Đã bổ sung các căn cứ tại trang 1 và trang 2, Dự thảo quyết định của TTg

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	b) Phương án phát triển đô thị:		
	Khoản 3 Mục IV Điều 1 của Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và khoản 1.2 Mục I phần IV Báo cáo tổng hợp có định hướng mở rộng thành phố Trà Vinh trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của huyện Châu Thành và huyện Càng Long về thành phố Trà Vinh quản lý. Tuy nhiên, theo phương án này thị huyện Châu Thành và huyện Càng Long sau khi điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính sẽ không đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên của huyện quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022). Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu, chỉnh sửa phương án mở rộng thành phố Trà Vinh cho phù hợp, đảm bảo các tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật.	Tỷ lệ đô thị	Qua rà soát, đánh giá về chuyên môn, việc mở rộng thành phố Trà Vinh sẽ không ảnh hưởng đến diện tích của huyện Châu Thành và huyện Càng Long, nên không phải sắp xếp huyện Châu Thành và huyện Càng Long theo quy định.
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo		
	a) Về Báo cáo tổng hợp		
	Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, bổ sung các nội dung về đánh giá thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo và thực trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh tiếp thu các ý kiến tham gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo để làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương hướng và giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới. Đối với giải trình của cơ quan lập quy hoạch với các góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các công văn nêu trên như: “ <i>Các nội dung góp ý đã được phân tích và đánh giá cụ thể trong báo cáo hợp phần, các đánh giá chung đã được tích hợp trong phần II của Báo cáo tích hợp. Ban soạn thảo xin phép được bảo lưu nội dung này để đảm bảo tính tích hợp của Báo cáo thuyết minh (tổng hợp)</i> ”. Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, tiếp thu các ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đó đề nghị bổ sung các nội dung trong báo cáo hợp phần, chuyên đề nghiên cứu vào Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh theo quy định.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát, hiệu chỉnh các nội dung liên quan tại các khoản 2.2.2 và 2.5.1, phần II, Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
	Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, bổ sung làm rõ thêm phương án phát triển mạng lưới trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT của	Tiếp thu và giải trình	Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục của tỉnh đã được

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>tình giai đoạn 2021-2030. Cụ thể, theo quy hoạch tỉnh, số lượng cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT của tỉnh dự kiến đến năm 2025 và năm 2030 sẽ được giữ nguyên, không thay đổi so với năm 2020 (bao gồm 122 trường mầm non, 163 trường tiểu học, 98 trường THCS và 29 THPT). Trong khi đó, quy hoạch tỉnh dự báo tốc độ tăng dân số của tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2030 là khoảng 0,8% (trang 195). Ngoài ra, khi đánh giá thực trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh, quy hoạch tỉnh nhận định lĩnh vực giáo dục còn tình trạng thiếu phòng học, cơ sở vật chất (Ví dụ: Các trường mầm non còn thiếu phòng học để mở rộng quy mô cho đối tượng trẻ dưới 4 tuổi, số phòng học/lớp của tỉnh hiện nay còn thấp,...). Đối với định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn quy hoạch tới, quy hoạch tỉnh cũng đề ra: “Phát triển mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT đáp ứng nhu cầu của nhân dân theo hướng khuyến khích, hỗ trợ việc thành lập trường ngoài công lập ở khu tập trung đông dân cư (các KCN, khu đô thị mới...); Trong giai đoạn 2021 – 2025 thành lập thêm 4 trường trung học phổ thông công lập, bao gồm 2 trường tại TP Trà Vinh, 1 trường tại TX Duyên Hải, (trong KKT Định An) và 1 trường tại huyện Duyên Hải (hiện là cơ sở 2 của Trường THPT Đôn Châu). Đến năm 2030 thành lập thêm 1 trường THPT tại thành phố Trà Vinh; Các trường mầm non và tiểu học được thành lập mới chủ yếu ở các khu, cụm công nghiệp mới và khu đô thị mới;...”</p> <p>Do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung thuyết minh, số liệu cụ thể để làm cơ sở tính toán cụ thể trong quy hoạch để đảm bảo thuyết phục, phù hợp, khả thi, đảm bảo tiếp cận giáo dục của người dân, chất lượng giáo dục. Số lượng cơ sở giáo dục xác định đến năm 2025 và 2030 cần tương thích với dự báo tổng quy mô trẻ em, học sinh của từng địa bàn tỉnh; dự báo thống kê về số dân trong độ tuổi đi học, dự báo phát triển các cấp học,... Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn 2021-2030 của tỉnh đề ra cũng như giải quyết được các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng</p>		<p>xây dựng dựa trên căn cứ dự báo quy mô dân số theo nhóm tuổi trong kỳ quy hoạch, xác định số lượng dân số trong độ tuổi đi học các cấp; với quan điểm phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo theo hướng mở, tinh gọn phù hợp với chất lượng, hiệu quả có tính đến tính khả thi và nguồn lực thực hiện quy hoạch; và các chủ trương của tỉnh về: (i) sắp xếp, sáp nhập các trường có quy mô nhỏ kết hợp với đầu tư xây dựng trường, lớp; và (ii) khuyến khích phát triển các trường ngoài công lập ở các khu tập trung đông dân cư.</p> <p>Mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập đến năm 2025 và 2030 đã được rà soát, hiệu chỉnh phù hợp tại khoản 5.1, mục V, phần V của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh đã nêu tại quy hoạch.		
	- Đề nghị rà soát nhu cầu sử dụng, phương án đất quy hoạch cho các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 và năm 2030 để đảm bảo thống nhất, chính xác với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu và giải trình	Đã rà soát nhu cầu sử dụng đất do tình đề xuất được tính toán theo các định mức quy định, tuy nhiên, phương án phân bổ sử dụng đất của tỉnh đã được hiệu chỉnh theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
	b) Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng		
	Đề nghị cơ quan lập quy hoạch trên cơ sở Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tiếp thu và hoàn thiện theo các góp ý tại Mục 2.1: (1) Rà soát, bổ sung nội dung phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm a khoản 2 Mục III để đảm bảo khái quát, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh;	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Đã rà soát và hiệu chỉnh nội dung của khoản 2.1, phần III. Tuy nhiên, theo rà soát của Bộ KH&ĐT thì Quyết định của TTg cần phải chất lọc, có động các nội dung liên quan, do đó không thể trình bày hết (một cách đầy đủ) các nội dung thuyết minh tổng hợp.
	(2) Rà soát, bổ sung nội dung phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm b khoản 10 Mục III và Phụ lục 8 của dự thảo Quyết định, theo đó bổ sung đầy đủ phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (bao gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông), giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đến năm 2030 (loại hình, quy mô, địa điểm và không gian bố trí) để làm căn cứ thực hiện và đánh giá đối với quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Theo rà soát của Bộ KH&ĐT, quyết định của TTg chỉ phê duyệt mạng lưới cơ sở GD&ĐT đến cấp tỉnh quản lý, do đó không đưa vào danh mục các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, THCS và tương đương
13	Bộ Y tế		
	Hồ sơ, tài liệu quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi kèm theo Công văn số 2876/CV-HĐTĐ ngày 15/4/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 – Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số	Tiếp thu ý kiến nhận xét	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>205/BC-SKHĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh báo cáo đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện theo ý kiến của các thành viên tổ thẩm định tại cuộc họp thẩm định Quy hoạch tỉnh Trà Vinh ngày 24/11/2023.</p> <p>Đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 – Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.</p>		
14	Bộ Xây dựng		
	<p>Ngày 30/01/2023, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 48-KL/TW về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Theo đó, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37/-NQ-TW của Bộ Chính trị với nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị. Do vậy, đề nghị nghiên cứu nội dung tại Kết luận số 48-KL/TW về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, rà soát, đánh giá đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn đến năm 2030, xây dựng, lồng ghép các phương án sắp xếp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo đúng quy định pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương và yêu cầu chỉ đạo của Trung ương.</p>	<p>Bảo lưu nội dung của Báo cáo thuyết minh tổng hợp</p>	<p>Theo kết quả rà soát của tỉnh Trà Vinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đơn vị hành chính cấp huyện: 9/9 huyện, thị xã, thành phố đều đạt tiêu chí về diện tích, dân số, do đó đơn vị hành chính cấp huyện không thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập. - Đối với đơn vị hành chính cấp xã: có 06 đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ tiêu chí về diện tích, dân số theo quy định, gồm: Phường 2, Phường 3, Phường 6 (thành phố Trà Vinh); thị trấn Cầu Ngang (huyện Cầu Ngang); xã Định An, thị trấn Định An (huyện Trà Cú) thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập giai đoạn 2023-2025. Tuy nhiên, qua xem xét yếu tố đặc thù đối với các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Trà Vinh có Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 5/5/2023 về kết quả rà soát, thông kê đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã gửi Bộ

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
			<p>Nội vụ và UBND tỉnh Trà Vinh kiến nghị Bộ Nội vụ giữ nguyên hiện trạng đơn vị hành chính cấp xã ổn định như hiện nay (không sáp nhập).</p> <p>Theo ý kiến của Bộ KH&ĐT tại Công văn số 3880/BKHĐT-QLQH, ngày 24/5/2023, không đưa các nội dung liên quan đến việc chia, tách, hợp nhất đơn vị hành chính vào quy hoạch để đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.</p>
	<p>Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định và cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu, bản đồ theo quy định.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến nhận xét</p>	
15	Bộ Ngoại giao		
	<p>Về căn cứ pháp lý: đề nghị tiếp tục rà soát và lược bỏ các văn bản trùng lặp; cập nhật và bổ sung các văn bản có liên quan, nhất là các văn bản mới ban hành.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp</p>	<p>Đã rà soát và lược bỏ các văn bản (Nghị quyết 13-NQ/TW, Nghị quyết 110/NQ-CP, Nghị quyết 39/2021/QH15, Nghị định 37/2019/NĐ-CP); bổ sung các văn bản (Nghị quyết 19-NQ/TW, Nghị quyết 81/2023/QH15, Quyết định 896/QĐ-CP) tại mục 3, Phần mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
	<p>Đề nghị sửa lại tiêu đề mục 3.3 (trang 9) “ Các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ” thành “Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp</p>	<p>Đã chỉnh sửa tại khoản 3.3, mục 3, phần Mở đầu</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	Về hệ thống bản đồ: đề nghị rà soát và chỉnh sửa tỷ lệ bản đồ theo đúng quy định (1:100.000)	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và chỉnh sửa theo đúng quy định
	Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Tại điểm 2.e về “An ninh quốc phòng” (trang 11), đề nghị rà soát và chỉnh sửa lại nội dung “Xây dựng lực lượng vũ trang...khoa học, công nghệ, đối ngoại, đặc biệt khu vực biên giới” cho phù hợp vì tỉnh Trà Vinh không có biên giới đất liền với quốc gia khác	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và hiệu chỉnh tại điểm 2.e, mục III, Dự thảo quyết định của TTg
	Về báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định: đề nghị cần thể hiện rõ các nội dung được tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung tại điểm nào, trang nào?	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã bổ sung vị trí tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định
16	Bộ Công An		
	<i>Về hiện trạng sử dụng đất an ninh:</i> Tính đến tháng 4/2023, tổng diện tích đất do Bộ Công An quản lý là 237,99ha, trong đó có 237,25ha đất an ninh (do Công an tỉnh Trà Vinh quản lý, sử dụng 53 vị trí với diện tích 39.6178ha, 02 đơn vị thuộc Bộ Công an quản lý sử dụng 03 vị trí với diện tích 198,3707ha), phân bổ theo đơn vị hành chính: huyện Càng Long 5,3255ha; huyện Cầu Kè 1,3084ha; huyện Cầu Ngang 2,9891ha; huyện Châu Thành 5,9023ha; huyện Duyên Hải 3,0400ha; huyện Tiểu Cần 3,0283ha; huyện Trà Cú 1,8864ha, thị xã Duyên Hải 198,6213ha và thành phố Trà Vinh 14,1447ha.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát, hiệu chỉnh tại điểm 2.5.6, phần II, Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	<i>Về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030:</i> Căn cứ nhu cầu sử dụng đất phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự, dự kiến quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 do Bộ Công an lập như sau: Đến năm 2030, tỉnh Trà Vinh có 320,93ha đất an ninh, phân bổ theo đơn vị hành chính: huyện Càng Long 9,2331ha; huyện Cầu Kè 6,3022ha; huyện Cầu Ngang 5,7630ha; huyện Châu Thành 10,6976ha; huyện Duyên Hải 9,7710ha; huyện Tiểu Cần 9,3004ha; huyện Trà Cú 15,0049ha, thị xã Duyên Hải 206,6592ha và thành phố Trà Vinh 48,2004ha. Trong đó, nhu cầu sử dụng đất an ninh của Công an tỉnh Trà Vinh là 117,1626 với 186 vị trí và 03 đơn vị thuộc Bộ Công an là 203,7682ha với 08 vị trí.	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ tiêu quốc gia phân bổ đất an ninh tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 là 261ha. Theo đó, tỉnh đã rà soát và đề xuất phương án phân bổ sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh đảm

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
			bảo tuân thủ chỉ tiêu quốc gia phân bổ.
	<i>Về kế hoạch thu hồi đất đến năm 2030:</i> Tại Bảng 5.18 trang 324 của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Trà Vinh: Ngoài 08 vị trí đất do Công An tỉnh Trà Vinh giao cho địa phương quản lý giai đoạn 2021-2030, đề nghị bổ sung thêm 01 vị trí đất (với diện tích 0,7565ha) hiện do Trại giam Bến Giá thuộc C10 quản lý tại khóm 2, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh giao cho địa phương quản lý giai đoạn 2021-2030.	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đất an ninh chuyển mục đích, bàn giao về nhà nước quản lý. Không thuộc trường hợp thu hồi đất. Đã hiệu chỉnh nội dung bổ sung điểm đất giao cho địa phương quản lý tại Bảng 5....; khoản 3.2, mục III, phần V
	<i>Đối với nội dung liên quan quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:</i> Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Trà Vinh tiếp thu các ý kiến của Bộ Công an tại Công văn số 1599/BCA-ANKT và Công văn số 3683/BCA-ANKT, bố trí nội dung riêng dành cho Thực trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy, và Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã điều chỉnh tách riêng nội dung hạ tầng PCCC&CNCH tại điểm 2.5.6.4, mục 2.5, phần II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Trà Vinh còn tồn tại một số lỗi thể thức văn bản, lỗi chính tả, số trang không liền mạch, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, hiệu chỉnh	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và hiệu chỉnh theo ý kiến đóng góp
17	Bộ Khoa học và Công nghệ		
	Đề nghị bổ sung “Phương án phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” vào mục 10 trang 15 dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã bổ sung phương án phát triển mạng lưới KHCN tại khoản 5, mục VI, Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
	Hồ sơ quy Quy hoạch tỉnh Trà Vinh đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với điều kiện tiếp thu, chỉnh sửa ý kiến nêu tại mục II.2	Tiếp thu ý kiến nhận xét	
18	Bộ Tài nguyên và Môi trường		
	1. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chưa tiếp thu, giải trình các chỉ tiêu sử dụng đất cao hơn, thấp hơn so với chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ cho tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
			<p>Thủ tướng Chính phủ. Chi tiết thể hiện tại khoản 3.2, mục III, phần VII</p>
	<p>2. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch) thì việc lập quy hoạch sử dụng đất phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch và đảm bảo nguyên tắc về nội dung phân bổ và sử dụng đất trong quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Tuy nhiên, tại Bảng số 7.2 (trang 516 đến trang 518 của Báo cáo) Mục III. Phương án khoanh bỏ và phân vùng đất đai đến năm 2030 vẫn còn có những chỉ tiêu cao hơn so với chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ như: Đất rừng phòng hộ đến năm 2030, tính xác định là 6.158 ha, giảm 767 ha so với năm 2020 và cao hơn 1.615 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ; Đất rừng sản xuất đến năm 2030, tính xác định là 4.494 ha, tăng tuyệt đối so với năm 2020 và cao hơn 790 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ; Đất giao thông đến năm 2030, tính xác định là 6.871 ha, tăng 1.560 ha so với năm 2020 và cao hơn 240 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ; Đất xây dựng cơ sở y tế đến năm 2030, tính xác định là 95 ha, tăng 28 ha so với năm 2020 và cao hơn 12 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ; Đất công trình năng lượng đến năm 2030, tính xác định là 1.875 ha, tăng 1.024 ha so với năm 2020 và cao hơn 461 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ; Đất công trình bưu chính, viễn thông đến năm 2030, tính xác định là 23 ha, tăng 10 ha so với năm 2020 và cao hơn 10 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tiếp thu, làm rõ các nội dung nêu trên.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến phương án khoanh bỏ và phân vùng đất đai đến năm 2030 đã tuân thủ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, đất rừng phòng hộ là 4.543 ha; đất rừng sản xuất là 3.704 ha bằng với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ. Đất phát triển hạ tầng, trong đó đất giao thông; đất xây dựng cơ sở y tế; đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông đã tuân thủ bằng với chỉ tiêu quốc gia phân bổ. Chi tiết được trình bày tại các khoản 3.2 và 3.3, mục III, phần VII</p>
	<p>Ngoài những nội dung đã tham gia cụ thể ở trên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cần rà soát các nội dung khác trong Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như rà soát trùng lặp trong phần căn cứ pháp lý;</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>	<p>Đã rà soát và lược bỏ các văn bản trùng lặp tại mục 3, phần Mở đầu</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>Bổ sung nội dung đánh giá tiềm năng đất đai; bổ sung nội dung bài học kinh nghiệm rút ra trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước trên địa bàn tỉnh làm cơ sở nghiên cứu, phân tích, dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030;</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa</p>	<p>Đã bổ sung nội dung đánh giá tiềm năng đất đai tại điểm 2.8.4, mục 2.8, phần II. Đã bổ sung bài học kinh nghiệm tại điểm 2.8.5, mục 2.8, phần II.</p>
	<p>Rà soát thống nhất diện tích hiện trạng, quy hoạch của khu kinh tế Định An tại các nội dung trong báo cáo (trang 109, 282, 512); rà soát các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh theo đúng quy định tại điểm b khoản 7 điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ - CP;</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình</p>	<p>Đã rà soát và hiệu chỉnh tại các nội dung liên quan. Diện tích quy hoạch đến năm 2030 của khu kinh tế Định An là 39.020 ha.</p>
	<p>Bỏ nội dung phân kỳ phân bổ và khoanh vùng thời kỳ 2021 – 2030.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa</p>	<p>Đã bỏ nội dung này tại mục III, phần VII, Báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
	<p>Đồng thời đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu, rà soát phương án quy hoạch, giải trình làm rõ diện tích chuyển mục đích và thu hồi đất phải đảm bảo tính logic hợp lý và thống nhất với nhau: Tổng diện tích đất nông nghiệp giảm 9.233 ha trong đó chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 5.367 ha, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp 3.866 ha, trong khi đó diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 7.235 ha; Diện tích đất rừng phòng hộ giảm trong kỳ quy hoạch là 2.751 ha nhưng diện tích đất rừng phòng hộ cần thu hồi là 4.200 ha; tỉnh Trà Vinh không có diện tích đất rừng đặc dụng nhưng diện tích đất rừng đặc dụng cần thu hồi là 113 ha,....., tránh tình trạng phương án quy hoạch, danh mục công trình mâu thuẫn với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình</p>	<p>Tổng diện tích đất nông nghiệp giảm 8.816 ha trong đó chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 6.120 ha. Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp 8.816 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 5.031 ha; Diện tích đất rừng phòng hộ giảm trong kỳ quy hoạch là 3.594 ha, trong đó diện tích đất rừng phòng hộ cần thu hồi là 98 ha; tỉnh Trà Vinh đã cập nhật là không có diện tích đất rừng đặc dụng nên không thu hồi đất,....tỉnh Trà Vinh đã tuân thủ theo chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.</p>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
			Chi tiết được trình bày tại khoản 3.5, mục III, phần VII
	3. Đã bổ sung yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường được quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, về mục tiêu phân vùng cần lưu ý gắn với các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng bảo vệ khác.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Đã rà soát, bổ sung mục tiêu xác lập các vùng môi trường và chỉnh lý các nội dung liên quan tại các điểm 1.3.1, 1.3.2, mục I, phần VI của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
	4. Về quản lý chất thải: - Đã bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, cần bổ sung đánh giá các vấn đề ô nhiễm của các khu xử lý chất thải hiện hữu đến môi trường đất và nước trong bối cảnh Trà Vinh địa hình thấp, chịu tác động của xâm nhập mặn và nước biển dâng.	Tiếp thu ý kiến, rà soát và bổ sung	Đã bổ sung các nội dung liên quan tại điểm 2.4.6.4, mục 2.4, phần II
	- Đã bổ sung chỉ tiêu môi trường liên quan đến thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt; chất thải nguy hại; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp; tỷ lệ bãi chôn lấp/cơ sở xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, cần làm rõ công nghệ và giải pháp công trình để đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.	Tiếp thu ý kiến, rà soát và bổ sung	Nội dung công nghệ xử lý chất thải được trình bày cụ thể trong báo cáo chuyên đề và đã được chốt lọc và tích hợp trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp tại điểm 4.6.2.c, mục IV, phần V
	- Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung, giải pháp cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa theo nội dung góp ý tại Công văn số 6627/BTNMT-KHTC ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Nội dung các giải pháp công trình và phi công trình xử lý chất thải được trình bày cụ thể trong báo cáo chuyên đề và đã được chốt lọc và tích hợp trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp tại điểm 4.6.2.c, mục IV, phần V
	- Phương án phát triển các khu xử lý chất thải đã đưa ra mục tiêu dự kiến đạt được đến năm 2030 và mục tiêu đến năm 2050; đã đưa nội dung quy hoạch các khu xử lý chất thải nguy hại trong quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, chưa làm rõ sự liên kết của các khu xử lý chất thải nguy hại	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Nội dung này được trích dẫn đúng nội dung trong Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	này với phương án xử lý trong Quy hoạch và các cơ sở xử lý chất thải nguy hại hiện hữu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.		
	5. Về bảo tồn đa dạng sinh học: - Phần I: Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh (trang 19): đề nghị bổ sung nội dung về hiện trạng, xu hướng và các tác động đến tài nguyên đất ngập nước trên địa bàn tỉnh.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Nội dung phân tích, đánh giá được thể hiện chi tiết trong báo cáo chuyên đề. Các nội dung liên quan đến tài nguyên đất ngập nước được tích hợp lồng ghép trong các yếu tố điều kiện mang tính đặc thù của tỉnh tại mục 1.3m phần I của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	- Mục 1.4. Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên (trang 462): các nội dung đề xuất quy hoạch chưa đảm bảo theo pháp luật về quy hoạch. Do vậy, đề nghị đơn vị chủ trì tiếp tục rà soát kỹ lưỡng yêu cầu về nội dung cho từng đối tượng quy hoạch được quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, cụ thể: “Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh”.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát, chỉnh sửa các nội dung liên quan theo đúng quy định tại điểm 1.4.1, mục I, phần IV
	- Đối với phương án phát triển các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các hành lang đa dạng sinh học cần phân tích và đánh giá bao gồm cả các loài chim di trú và các loài nhuyễn thể đặc hữu tại các khu vực có rừng ngập mặn.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã rà soát, chỉnh sửa các nội dung liên quan theo đúng quy định tại điểm 1.4.2, mục I, phần IV
	6. Báo cáo chưa sửa chữa, bổ sung các góp ý về về tài nguyên nước, cụ thể như: hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; các vấn đề nổi cộm về tài nguyên nước cần giải quyết trong kỳ quy hoạch; các vấn đề mâu thuẫn trong khai thác tài nguyên nước giữa các ngành; rà soát phân vùng quy hoạch khai thác,	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã rà soát và bổ sung các nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt và tài nguyên nước dưới đất phù hợp với mục tiêu trình bày của nội

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	sử dụng nước và các nội dung về phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.		dung điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh tại các điểm 1.3.3.a và 1.3.3.b, mục 1.3, phần Mở đầu
	Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2023, vì vậy, quá trình thực hiện đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung, thông tin, dữ liệu để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các Quy hoạch nêu trên.	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đà rà soát và cập nhật các nội dung liên quan, đảm bảo sự thống nhất với các quy hoạch cấp cao hơn, tại mục III, phần VI của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	7. Về lĩnh vực biển đảo, trên cơ sở ý kiến tiếp thu, giải trình của Cơ quan lập quy hoạch tại Mục 15.8 và 15.9 của Phụ lục thuộc Báo cáo số 75/BC-SKHĐT ngày 17 tháng 02 năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường cho rằng nội dung giải trình, tiếp thu của cơ quan lập quy hoạch là chưa phù hợp, cụ thể: - Tiêu chí phân vùng chức năng trong Thông tư số 74/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn dựa trên điều kiện tự nhiên, tiềm năng vị thế vốn có của biển, chưa xem xét đến yếu tố khai thác, sử dụng. Giải trình của đơn vị chưa đề cập đến ý kiến về “Cơ sở phân vùng”.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Phân vùng chức năng nguồn nước trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp căn cứ theo Điều 10 của Thông tư 42/2015/TT-BTNMT, theo đó nội dung như sau: “Tổng lượng nước khai thác, sử dụng trong năm và trong mùa khô; Tỷ trọng đóng góp cho GDP cho ngân sách của tỉnh và Trung ương; Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; Các hoạt động sản xuất chính phụ thuộc nguồn nước; Dân số được cấp nước sinh hoạt từ nguồn nước; Khai thác, sử dụng nước theo các quyết định của nhà nước; Các thỏa thuận liên quốc gia, liên vùng và các tổ chức liên quan đến việc khai thác, sử dụng nguồn nước”

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình
	<p>- Tài nguyên không chỉ bao gồm các tài nguyên khoáng sản, mà còn các loại tài nguyên vật thể và phi vật thể khác; tiềm năng vị thế cho phát triển kinh tế cũng được xem là một dạng tài nguyên. Tỉnh Trà Vinh hiện đã và đang có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho phát triển các ngành kinh tế biển, như: nuôi trồng thủy sản, điện gió, cảng,... Tuy nhiên, dự thảo Quy hoạch chưa đề cập đến phương án phát triển đối với các ngành kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>	Tiếp thu ý kiến và giải trình	<p>Nhất trí tiếp nhận ý kiến đóng góp, tuy nhiên, các loại tài nguyên đa dạng và đã được phân tích, đánh giá tiềm năng cũng như nhu cầu phát triển trong các phương án chuyên ngành có liên quan được trình bày trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp, không trình bày riêng thành một nội dung để tránh trùng lặp.</p> <p>Tương tự, kinh tế biển là một khái niệm kinh tế tổng hợp, được nghiên cứu và phát triển lồng ghép trong phương án phát triển các ngành kinh tế khác, do đó không tách riêng thành một nội dung độc lập.</p>
	<p>8. Đến thời điểm hiện tại, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa nhận được văn bản đề nghị cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh Trà Vinh sử dụng để thành lập bản đồ quy hoạch. Do vậy đơn vị cần làm rõ nguồn gốc bản đồ nền sử dụng trong quy hoạch, đồng thời phải có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng để đảm bảo tính pháp lý theo quy định tại Điều 41 Luật Quy hoạch cũng như khoản 1 Điều 47 và điểm b khoản 5 Điều 41 của Luật Đo đạc và bản đồ.</p>	Tiếp thu ý kiến	<p>Đã làm rõ và hoàn thiện CSDL trình kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp và dự thảo quyết định của TTg</p>

B	Ý KIẾN CỦA CÁC ỦY VIÊN PHẢN BIỆN		
1	Nguyễn Đức Hùng		
	<p>- Về phần căn cứ pháp lý: Tại trang số 7 đang bị trùng lặp căn cứ “Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế xã hội bảo đảm quốc</p>	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	<p>Đã rà soát và loại bỏ trùng lặp tại mục 3, phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp</p>

	phòng, an ninh vùng Đông bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.”		
	<p>- Về hiện trạng và hiệu quả sử dụng đất: đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh tiếp tục nghiên cứu bổ sung phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất khu kinh tế Định An đồng thời rà soát thống nhất lại số liệu về sử dụng đất của KKT Định An trong báo cáo tổng hợp: Tại trang 452 có nêu “Đến năm 2030, diện tích là 5.996 ha, tăng so với năm 2020: 39.020 ha.” đang mâu thuẫn với số liệu của phân định hướng sử dụng đất khu kinh tế trang 671,672 thuộc phần VII phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai “Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có KKT Định An, nằm ở phía Đông Nam tỉnh Trà Vinh, giáp biển và sông Hậu thuộc huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải với tổng diện tích là 39.020 ha..... và trong giai đoạn từ nay đến năm 2050 không có định hướng phát triển thêm khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Do đó, dự kiến đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, diện tích đất khu kinh tế là 39.020 ha.” ; tại phần hiện trạng sử dụng đất trang 286, 272 năm 2020 chưa có diện tích KKT hiện trạng. Trong báo cáo tổng hợp, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tiềm năng đất đai và nội dung những bài học kinh nghiệm rút ra trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước làm cơ sở nghiên cứu, phân tích, dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.</p>	Tiếp thu ý kiến và giải trình	<p>Đã rà soát và thống nhất số liệu sử dụng đất của KKT Định An, diện tích đất quy hoạch đến năm 39.020ha, tăng tuyệt đối so với năm 2020.</p> <p>Đã bổ sung các nội dung đánh giá tiềm năng sử dụng đất và bài học kinh nghiệm trong quy hoạch, quản lý sử dụng đất thời kỳ trước tại các khoản 2.8.4 và 2.8.5, phần II</p>
	<p>- Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện: được tích hợp của tất cả cả ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất; giải quyết, xử lý mâu thuẫn, chông chéo trong việc sử dụng đất nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và địa phương trên cơ sở quỹ đất hiện có, tiềm năng và khả năng bố trí đầu tư công của toàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, khả năng thu hút, kêu gọi đầu tư tư nhân; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả.</p> <p>Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đưa các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ đến năm 2030 cho phù hợp với tiêu đề của bảng 7.1 trang 675, không đưa các chỉ tiêu kế hoạch đến năm</p>	Tiếp thu ý kiến đóng góp và chỉnh sửa	<p>Đã lược bỏ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 tại Bảng 7.1, mục III, phần VII theo ý kiến đóng góp.</p> <p>Đã rà soát và hiệu chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh tại Bảng 7.2, mục III, phần VII.</p>

	<p>2025); Rà soát các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh tại mục 3.2 phần III Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh; các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tại mục 3.3 phần III Tổng hợp, cân đối chỉ tiêu sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm b khoản 7 điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ – CP.</p>		
	<p>Tiếp tục nghiên cứu, rà soát đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp quốc gia phân bổ. Hiện nay, UBND tỉnh Trà Vinh đã đảm bảo tuân thủ 15/24 chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Phụ lục 54 ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ - TTg ngày 09/3/2022, chưa đảm bảo tuân thủ 9/26 chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ (có 09 chỉ tiêu xác định cao hơn gồm các chỉ tiêu: đất rừng phòng hộ; đất rừng sản xuất; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh; đất giao thông; đất xây dựng cơ sở y tế; đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính viễn thông, đất có di tích lịch sử, văn hóa; đất bãi thải, xử lý chất thải;).</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>	<p>Nội dung này đã được chỉnh sửa và các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Trà Vinh tuân thủ các chỉ tiêu quốc gia phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ - TTg ngày 09/3/2022, đảm bảo tuân thủ 26/26 chỉ tiêu sử dụng đất. Chi tiết tại Bảng 7.2, mục III, phần VII.</p>
	<p>Bỏ nội dung nội dung Phân kỳ phân bổ và khoanh vùng thời kỳ 2021 – 2030.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p>	<p>Đã lược bỏ nội dung phân kỳ phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 khỏi Báo cáo thuyết minh tổng hợp (phần VII)</p>
	<p>Về diện tích chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất: Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu, rà soát diện tích chuyển mục đích và thu hồi đất đảm bảo tính logic hợp lý và thống nhất diện tích cần chuyển mục đích, thu hồi đất giữa các bảng biểu, nội dung thuyết minh. Tổng diện tích đất nông nghiệp giảm 9.233 ha trong đó chủ chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 5.367 ha, diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 7.235 ha; Diện tích đất rừng phòng hộ giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp là 489 ha nhưng diện tích đất rừng phòng hộ cần thu hồi là 113 ha (phần lời) 4.200 ha (phần bảng biểu 7.17 trang 705); tỉnh Trà Vinh không có diện tích đất rừng đặc dụng nhưng diện tích đất rừng đặc dụng cần thu hồi là 113 ha (phần bảng biểu 7.17 trang 705); đất quốc phòng giảm 104 ha</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình</p>	<p>Đã rà soát và hiệu chỉnh: Tổng diện tích đất nông nghiệp giảm 8.816 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp; chủ chuyển nội bộ đất nông nghiệp là 5.361 ha; diện tích nông nghiệp cần thu hồi là 6.817 ha, đất phi nông nghiệp 534 ha .. được thể hiện trong biểu Chu chuyển đất đai trong kỳ quy</p>

	nhưng diện tích thu hồi chỉ là 23 ha... Đồng thời Tỉnh cần bổ sung làm rõ nguồn lực thực hiện, căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học của việc chuyển mục đích sử dụng, thu hồi của một số loại đất như đất rừng phòng hộ (giảm 2.751 ha trong đó có 489 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp), đất quốc phòng (giảm 104 ha), đất khu công nghiệp (giảm 10 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn),...		hoạch thời kỳ 2021-2030 tỉnh Trà Vinh.
2	Phạm Hoài Chung		
	Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện theo nội dung góp ý trong Báo cáo thẩm định số 8578/BC-HĐTĐ ngày 28/11/2022 của Hội đồng thẩm định và ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và ủy viên phản biện.	Tiếp thu ý kiến nhận xét	
	<i>Tuy nhiên, đối với một số nội dung đơn vị tư vấn lập quy hoạch không tiếp thu mà giải trình và xin bảo lưu trong báo cáo giải trình đề nghị phân tích rõ hơn, cụ thể hơn để đảm bảo tính thuyết phục cao.</i>		
	Lưu ý cập nhật báo cáo mới nhất để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đối với một số nội dung quy hoạch liên quan gồm: + Quy hoạch hệ thống cảng cạn Việt Nam đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; + Quy hoạch điện VIII mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó liên quan đến nhiệt điện than và lượng than nhập khẩu tiêu thụ điện qua cảng biển Trà Vinh cũng như lượng than chuyển tải.	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát và cập nhật các nội dung liên quan tại các khoản 4.1 và 4.2, mục IV, phần V
	+ Số liệu cập nhật trong báo cáo đảm bảo cùng thời điểm so sánh.	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát và cập nhật số liệu trong điều kiện tốt nhất có thể
3	Trần Anh Tuấn		
	4.1. Nhận xét chung. - Đơn vị lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa cơ bản các nội dung được góp ý phản biện của chuyên gia đã góp ý và gửi tại Hội đồng thẩm định;	Tiếp thu ý kiến nhận xét	

	- Về cơ bản Báo cáo tổng hợp QH tỉnh đã đầy đủ các nội dung theo yêu cầu đối với đồ án QH tỉnh theo quy định.		
	4.2. Một số lưu ý về nội dung Báo cáo tổng hợp và Bản đồ. - Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nên cập nhật thời gian (vấn ghi tháng 12 năm 2022);	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và chỉnh sửa phù hợp tại các trang bìa của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	- Các nội dung “tiếp thu và chỉnh sửa” trong Phụ lục Tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Kèm theo Báo cáo số: 75/BC-SKHĐT ngày 17/02/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư) nên có giải trình cụ thể được “tiếp thu chỉnh sửa” tại Mục nào của Báo cáo Tổng hợp sẽ thuyết phục hơn;	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và bổ sung vị trí các nội dung tiếp thu, chỉnh sửa
	- Các nội dung được giải trình “Cụ thể hóa trong báo cáo hợp phần” nên xem xét bổ sung cụ thể hơn những kết quả nghiên cứu chính của báo cáo hợp phần vào báo cáo tổng hợp để thấy được tính logic cho vấn đề nghiên cứu và đề xuất của Báo cáo Tổng hợp;	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và bổ sung một số nội dung chất lượng của các báo cáo hợp phần vào Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	- Một số nội dung đã góp ý và giải trình nên rà soát: (i) “Đến năm 2030 đảm bảo cấp nước cho công nghiệp, dịch vụ khoảng 108.800 m ³ /ngày (40.104 ha của 1 KKT, 3 KCN và 16 CCN)” – tr. 390. Lưu ý rà soát theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về QH xây dựng (mục 2.10.2 Nhu cầu sử dụng nước: Nước cho các khu công nghiệp tập trung: xác định theo loại hình công nghiệp, đảm bảo tối thiểu bằng 20m ³ /ha/ngày đêm cho tối thiểu 60% diện tích khu công nghiệp); (ii) rà soát thống nhất số lượng cơ sở xử lý CTR đến năm 2030 giữa hình 5.12 và nội dung thuyết minh – tr. 415; (iii) xem xét việc đề xuất “Mỗi KCN có 1 nhà máy xử lý nước thải riêng, nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đổ vào môi trường tiếp nhận.” – tr.416 (Mục 4.7) là chưa phù hợp, nên chọn Cột A để giảm thiểu ô nhiễm các sông rạch trên địa bàn tỉnh đã và đang là nguồn nước cần được bảo vệ;	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Thuyết minh phương án cấp nước được trình bày cụ thể trong báo cáo chuyên đề. Tỉnh đã rà soát và xin phép bảo lưu nội dung này

	và tính khả thi khi đề xuất “Thoát nước thải sinh hoạt các đô thị: Các đô thị loại V trở lên có hệ thống thoát nước thải và nước mưa riêng biệt. 100% nước thải đô thị sẽ được xử lý đạt quy chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn ở các trạm xử lý cấp tỉnh trước khi thải ra môi trường”);...	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa	Đã chỉnh sửa mục tiêu thoát nước thải đô thị phù hợp theo nhận xét, tại điểm 4.7, mục IV, phần V
	+ Mục 4.8. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng cấp nước sinh hoạt - tr. 417: nên bổ sung quy mô các Nhà máy/ Trạm cấp nước chính phục vụ các đô thị, khu, cụm công nghiệp theo dự báo nhu cầu cấp nước;	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Danh mục các nhà máy nước, trạm cấp nước được thể hiện trong phụ lục 8.1, phần VIII
	- Một số nội dung khác: bổ sung “Phương án Cao độ nền, thoát nước mặt; Nghĩa trang và cơ sở hỏa táng” được giải trình Bảo lưu (không bổ sung) nên xem xét bổ sung định hướng chung cho toàn tỉnh vì “Cao độ nền, thoát nước” để giảm thiểu ngập úng đô thị liên quan đến quy hoạch thủy lợi cần có định hướng ở quy mô tỉnh; về “nghĩa trang và cơ sở hỏa táng” liên quan đến phong tục tập quán của người Khmer ở Nam bộ (có trên 31% dân số của tỉnh) sử dụng hình thức hỏa táng và các vấn đề môi trường;	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Thuyết minh phương án phát triển khu nghĩa trang, nhà hỏa táng đã được tỉnh rà soát xin phép bảo lưu nội dung này.
	- Về cách thể hiện Bản đồ Quy hoạch phương án phát triển các lĩnh vực Kết cấu Hạ Tầng kỹ thuật cần thể hiện rõ (nổi bật) được các nội dung chính (tuyến, công trình đầu mối, ký hiệu và các thông số cơ bản) so với các nội dung khác của bản đồ và bổ sung hoa gió (các Bản đồ khi xem gần như nhau, khó phân biệt nội dung chính của Bản đồ);	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Bản đồ quy hoạch được thể hiện theo đúng các yêu cầu của văn bản số 5746/BKHĐT-QLQH, ngày 30 tháng 8 năm 2021.
4	Võ Chí Mỹ		
	1. Về cơ sở dữ liệu: Bổ sung sự mô tả việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hoá, cập nhật trong các nội dung quy hoạch theo yêu cầu của điều 41 Luật quy hoạch và các điều 41, 47 Luật đo đạc bản đồ.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung	Đã tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa và bổ sung theo quy định và hướng dẫn của Bộ KH&ĐT
	2/ Bản đồ: Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung một số thiếu sót về các tiêu chuẩn kỹ thuật bản đồ như hệ tọa độ, tỷ lệ, nguồn dữ liệu.	Tiếp thu ý kiến đóng góp	Đã rà soát và chỉnh sửa, bổ sung theo đúng hướng dẫn tại văn bản số 5746/BKHĐT-QLQH, ngày

			30 tháng 8 năm 2021.
	<p>3/ Các cơ sở pháp lý của quy hoạch Bổ sung các văn bản pháp lý sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật đo đạc và bản đồ 27/2018/QH14 - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Công văn số 5746/ quy định hướng dẫn kỹ thuật về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh BKHĐT-QLQH ngày 30 tháng 8 năm 2021. - Thông tư số 07/2022 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000 ngày 30 tháng 06 năm 2022. 	Tiếp thu và giải trình	<p>Đã bổ sung Luật đo đạc và bản đồ vào căn cứ pháp lý tại điểm 3.3.2, mục 3, phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>Các văn bản pháp lý khác xin phép được bảo lưu để đảm bảo tính nhất quán trong việc trình bày các căn cứ pháp lý lập Quy hoạch tỉnh.</p>
5	Hồ Quang Đức		
	<i>Nhất trí thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung.</i>	Tiếp thu ý kiến nhận xét	
6	Hoàng Xuân Cơ		
	<i>Hồ sơ đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; không có ý kiến gì thêm</i>	Tiếp thu ý kiến nhận xét	